

THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

QUYỂN 1 (PHẦN CUỐI)

Luận: Tin chí giáo.

Hỏi: Tại sao nói giáo mà được tên chí giáo?

Đáp: Thông ở phàm thánh nói không sai khác, có thể tin là nói đều là chí giáo lượng, vì khế hợp với chí lý, khế hội sự thật, như tám ngữ phẩm, bốn Thánh ngôn v.v... Nên luận Hiền Dương quyển 11 ghi: “Chí giáo nghĩa là ngôn giáo mà người Nhất thiết trí thi thiết, hoặc theo họ nghe pháp tùy theo pháp mà hành”. Đây lại có ba loại: Một là Thánh ngôn sở nhiếp, hai là Đối trị tạp nhiễm, ba là Không trái pháp tướng. Thánh ngôn sở nhiếp, nghĩa là kinh giáo mà Như Lai và các đệ tử nói, không trái chánh pháp, không trái chánh nghĩa. Đối trị tạp nhiễm, nghĩa là khi nương pháp này khéo tu tập có thể cầu điều phục các tham sân si. Không trái pháp tướng, trái lại với trái pháp tướng, phải biết đây gọi là không trái pháp tướng. Trái pháp tướng, nghĩa là đối với vô tướng tăng thêm hữu tướng, đối với pháp tạp nhiễm lập thành thanh tịnh, gọi là trái pháp tướng.

Hỏi: Ngôn giáo ngoại đạo ba nghĩa đều không có, làm sao gọi đó là chí giáo?

Đáp: Tùy theo ngôn luận của tông ấy, sở tín và chọn lựa trái với tông.

Sớ: Tổng phá các sư trước.

Hỏi: Lập tổng phá, lẽ nào cũng không có một phần tương phù? Vì mỗi sư đều thừa nhận tịnh kiến không duyên ngã. Lại cùng không thừa nhận nhiễm duyên ngã chẳng?

Đáp: Cho nên trong sớ nói chỉ duyên ngã kiến đều không duyên ngã, ở đây lựa chọn tịnh kiến và cùng không thừa nhận thấy đều tận, luận lược chỉ pháp, trong sớ nói đủ.

Có thuyết cho rằng, nếu nói ngã kiến lẽ ra không duyên ngã tức có lỗi, vì nhiễm kiến không duyên ngã.

Biện rằng: Nếu không như vậy thì trái với luận và số, số luận nêu bày vặn hỏi đều nói nhiễm kiến, họ thừa nhận duyên ngã.

Hỏi: Nếu như vậy, nghĩa năng duyên sở duyên của tự tông đều không thành, nên người ngoài vặn hỏi rằng: Nhân thức của tông ông lẽ ra không duyên sắc, vì có sở duyên, thanh v.v... các thức, vặn hỏi sở duyên, lượng chuẩn theo đây mà biết chăng?

Đáp: Lượng ấy lại có các lỗi tự giáo, thế gian trái nhau. Thế gian cùng thừa nhận nhân duyên nơi sắc, ngã thì không như vậy.

Hỏi: Chánh trí duyên Như, chẳng phải thế gian cùng thừa nhận, họ lấy đó làm vặn hỏi, không có việc gì không đồng, vặn hỏi chuẩn theo trước chăng?

Đáp: Ý của Bản sở chỉ tranh cãi ngã thể có hay không, ông vọng chấp ngã thường năng tác thọ, nên làm lượng trước, nhưng lý Chân như chẳng phải năng tác thọ, thể là thật có, nên chánh trí duyên, rộng như luận Chưởng Trần giải thích.

Hỏi: Nếu họ đem Thức thứ bảy, thứ tám kia làm vặn hỏi thì thế nào?

Đáp: Năng sở duyên của ta đều mượn ngôn thuyết, lại không là thức, ngã và kiến của ông thật năng sở duyên, ngã lại là thức, nên không làm ví dụ, phải suy nghĩ kỹ.

Số: Không có một ngã là tướng phần.

Trong hai luận kia nói mười sáu loại đại luận ngoại đạo, sở duyên đều là tự tâm tướng phần, nếu có một ngã thể là tướng phần, ngã thể có thể được gọi là sở duyên kiến duyên ở ngã, đã không có ngã thể kia là tướng phần, nên biết ngã thể không phải sở duyên, kiến cũng không duyên ngã làm cảnh của nó.

Số: Từ đây trở xuống phần thứ tư giải thích phân biệt câu sinh.

Văn đây nêu bày chánh nghĩa, đối với lý là thù thắng.

Biện rằng: Câu sinh phân biệt lẽ nào ngoại đạo thừa nhận, tông ấy đã không, nay nêu rõ phân biệt câu sinh kia, sao trái với tự nghĩa? Nói chỉ bày tự nghĩa gọi là thắng chăng? Nên trong số không có lỗi.

Số: “Ngã chấp” đến “đều gọi là chấp”.

Nếu nói ngã kiến không thông với tâm vương và các tâm sở, vì chấp rộng, bao gồm thấy đồng thời tâm tâm sở v.v... đều gọi là chấp, hoặc nói ngã chấp cũng chỉ là kiến, như ở sau chỉ nói kiến gọi là chấp, nay lấy giải thích trước.

Số: Do thừa nhận nhiễm tịnh xen tạp sinh.

Ở sau luận quyển 10 ghi: Ba tánh nhân duyên thừa nhận tạp dẫn

sinh.

Hỏi: Tướng phần Thức thứ bảy tạp dẫn thế nào?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Hiện tướng Thức thứ bảy tùy nơi kiến và chất thông ở hai tánh, tướng này huân chủng, chủng tùy hiện tướng cũng gọi là hai tánh, tướng sau y hai tánh chủng đây sinh gọi là tạp dẫn sinh.

2. Tướng Thức thứ bảy này hoặc chất đồng chủng, hoặc kiến đồng chủng, chủng gọi là tạp dẫn, tánh tạp nên biết.

Giải thích trước là thù thắng, thừa nhận tướng Thức thứ bảy riêng có chủng.

Sớ: “Không xứng với bản chất” đến “gọi là có chấp”.

Năm thức không thân duyên từ ngoài chất gọi là không xứng. Có thuyết nói, Sơ thiền nhãn thức thấy tướng phần của dục, hỏa tai cùng chất không tương tự, vì chủng khác sinh.

Biện rằng: Sở duyên chất tướng của năm thức trong Địa này lẽ nào đồng chủng ư? Lại làm sao xứng? Nếu nói khác Địa không xứng nghĩa hiển nên nêu ra cũng là không thể, liền nghi đồng địa đồng chủng tương xứng.

Luận: Duyên thức sở biến năm thủ uẩn.

Hỏi: Năm thủ uẩn đây thức nào sở biến?

Đáp: Có nghĩa trừ Thức thứ sáu, bảy thức còn lại biến, Thức thứ sáu sở biến tự thân tướng phần, văn sau riêng nói khởi tướng tự tâm chấp làm ngã.

Hỏi: Nếu là bản chất tại sao chỉ nói duyên thức sở biến?

Đáp: Lý thật cũng do thức năng biến khác, nói sở biến là nương tướng kiến, thật lý thân duyên chỉ có tướng sở biến. Nếu theo bản chất cũng duyên năng biến, đây tùy tướng hiển mà nói sở biến, thật sự lẽ ra không nên nói thức sở biến, nếu không như vậy, trước chấp nên nói biến, trước chỉ nói duyên Thức thứ tám, đây cũng chỉ nên duyên năm thủ uẩn.

Hỏi: Sao gọi là thủ uẩn?

Đối Pháp quyển 1 ghi: Do thủ hòa hợp nên gọi là thủ uẩn.

Giải thích: Hợp là hòa, là thuận, không lia nhau, trợ giúp nhau, do uẩn cùng thủ lại hòa thuận nhau, không lia nhau càng khiến cho sinh trưởng nên gọi là thủ uẩn. Ngoài ra như Xu Yếu giải thích đủ.

Sớ: Kỳ thật cũng có, vì có bản chất.

Sớ: Chẳng phải không có bản chất là câu sinh.

Chẳng phải có chấp câu sinh không duyên bản chất khởi. Giải

thích lý do câu sinh chấp cần phải có bản chất.

Sớ: Ban đầu lựa chọn tu đạo bất tương ứng hoặc.

Độc đầu tham v.v... gọi là bất tương ứng, thế đạo có thể điều phục.

Sớ: Nếu đốn ngộ cũng thông kiến đoạn v.v...

Câu sinh ngã kiến hành tướng vi tế, tại sao siêu vượt quả nói kiến đoạn? Nếu nói trợ bạn trước chiết phục Hữu lậu, lý cũng không đúng. Tương ứng tham v.v... ngã kiến hành đồng, tại sao nói bạn trước chiết phục Hữu lậu? Nếu chiết phục tương ứng ngã kiến lẽ ra phải vậy vì hành tướng đồng. Đối Pháp v.v... nói siêu vượt hai quả đầu là Tùy chuyển lý môn, chẳng phải nghĩa của Đại thừa.

Biện rằng: Chướng và quả trái nhau, ngăn ngại liền đoạn, phiền não dục giới đã ngại Bất hoàn, kiến đạo đoạn nó lại có lỗi gì? Nếu nói hoặc vi tế, lẽ nào thù thắng hơn trí Vô lậu kiến đạo? Nếu không thù thắng thì thắng đoạn không thắng, vì sao không thừa nhận?

Lại nói, bạn là lưu loại tương trợ, chẳng phải cần tương ứng, cần tương ứng làm sao nói năm địa hại bạn? Nên trong sớ không nói tham tương ứng gọi là bạn đã chiết phục.

Lại nói, hành tướng tương ứng đồng, cũng không được. Các luận đều nói tâm vương tâm sở đồng một sở duyên, không đồng hành tướng. Nếu nói Đối Pháp tùy chuyển lý là chỗ nào Đại thừa không thừa nhận siêu vượt quả? Không thừa nhận siêu quả đoạn dục ngã kiến, luận đây nói rõ trên Vô sinh có lỗi thoái đoạn, đâu không trái nhau? Cũng không thể dùng Mạt-na để nêu hoặc, vì Mạt-na phiền não không thể nhuận sinh chướng Bất hoàn. Hơn nữa luận chủ đã tự lựa chọn xong.

Sớ: Giới thứ chín

Phẩm thứ chín của cõi này.

Sớ: Khó đoạn không gọi là vi tế v.v...

Biện rằng: Sớ có ba câu, dùng lý nói thì có câu thứ tư, tức tâm thứ hai trong ba tâm, mong ban đầu chẳng phải vi tế, mong tâm thứ ba chẳng phải là khó đoạn.

Sớ: Đây căn cứ sở đoạn dùng làm hai cách giải thích.

Giải thích nghĩa khó đoạn, tức nói phẩm loại là giải thích thứ nhất. Kế nói khó dễ là giải thích thứ hai.

Sớ: Do hành tướng mà nói trái.

Ngã chấp chánh trái trí sinh không, sở dĩ nay nói sinh không trừ diệt.

Hỏi: Nếu nói câu sinh tu đạo đoạn, cùng kinh Lăng-già đâu không

trái nhau? Xét Lăng-già bộ bốn quyển, quyển 2 ghi: “Đại Tuệ! Thân kiến có hai loại, nghĩa là câu sinh và vọng tưởng. Tu-đà-hoàn có hai loại thân kiến đoạn nên nghi pháp không sinh”. Lăng-già bộ mười quyển, ý văn quyển 4 phần lớn đồng!

Đáp: Có nghĩa là câu sinh căn cứ phục, phân biệt thì đứng về đoạn, đoạn và phục đều gọi là đoạn. Hoặc người phiên dịch là không tỏ ngộ Đại thừa, tùy hiểu biết Tiểu thừa của mình mà nói: Tát-bà-đa v.v... đều có kiến đoạn.

Luận: Vả lại Số luận.

Theo Thiên Thân Bồ-tát truyện nêu bày việc của sư đây, như trong Nghĩa Đăng có dẫn đủ. Lại tương truyền, thời kiếp sơ có một ngoại đạo, cự Bách luận v.v... gọi là Gia-tỳ-la, người này tu đạo thành Tiên ngũ thông, tạo Lược Số luận, đã biết đời vô thường, thân không trụ lâu, sợ người đời sau phá luận mình tạo, bèn muốn lưu thân trụ lâu để cùng họ luận bàn, ông đến Tự Tại Thiên xin pháp sống lâu.

Tự Tại Thiên nói:

- Ông nên đến rừng ăn các loại cam tử liền có thể sống lâu. Các loại cam tử ấy, khi chưa chín màu nó xanh, nếu đã chín thì màu nó vàng nhạt, đây tức thuốc tiên. Thuốc này khi mới ăn vị hơi chua đắng, ăn rồi nếu uống nước lạnh trong miệng có vị ngọt, cũng như ăn mật, nhân đó có tên là cam tử.

Tiên được thuốc này bèn sợ vô thường, lại đến chỗ trời xin cách sống lâu. Tự Tại Thiên nói:

- Ông nhất định phải làm một vật mới được sống lâu nhất.

Tự Tại Thiên bèn hóa Tiên thành khối đá vuông, lớn chừng một trượng, ở trong núi Tần-đà, trong rừng cam tử khác. Bồ-tát Trần Na tạo luận Nhân Minh thành lập tông nhân dụ phá Số luận kia. Môn đồ của Tiên ấy không thể thông suốt, đem lời vặn hỏi của Trần Na viết trên đá, đá liền viết lời đáp. Trần Na biết rồi cùng quyến thuộc của Tiên đến chỗ tảng đá, viết vặn hỏi trên đó để cùng luận nghị. Sáng sớm hôm sau đến xem, đá đã viết lời giải xong, như vậy Trần Na lại viết, ngày ngày đến xem, đến hai ba ngày đá mới hiểu. Trần Na lại viết, bảy ngày đá mới hiểu, cứ thế viết tiếp nhưng đá không giải thích được. Đá ấy toát mồ hôi thành một lỗ lớn, vỡ vụn bay lên hư không, lúc đó Tiên thần đưa tay đỡ ngài Trần Na, ở giữa hư không nói tụng khen ngợi. Lúc bấy giờ đại chúng đều thấy, vì thế các luận của Trần Na tạo thịnh hành ở đời.

Sớ: Hai là Biến dịch mà chẳng phải bản, một thuyết nói mười sáu

Đế.

Hỏi: Ở sau nói năm đại lại có hai thuyết, hai thuyết đều thừa nhận năm đại thành căn, nhưng chung riêng khác nhau, đã có thể sinh khác, hợp lại chỉ có câu “đồng thời”, làm sao đây nói chỉ biến dịch?

Đáp: Nói năm đại riêng thành căn, vả lại đứng về ít phần tướng triển chuyển thành thuyết, căn cứ thành thật căn thể chỉ có duy lượng, do mười sáu tên đây chỉ có biến dịch, hãy suy nghĩ kỹ.

Sớ: Một là tự tánh.

Hỏi: Thể của tự tánh tức ba loại như Thích-xà v.v... tại sao ba loại kết hợp gọi là một Đế?

Đáp: Thật thể có ba, tác nghiệp v.v... tức đồng, nên hợp thành một, ba đức loại đồng hợp làm một.

Biện rằng: Không thể được. Dũng, trần, ám v.v... các loại sai biệt, sao gọi là loại đồng?

Sớ: Nay nói vàng, đỏ, đen v.v...

Do ba loại đây là vàng v.v... nên thành tất cả các sắc, những tên gọi khác thấy đều chuẩn theo hành tướng này giải thích.

Sớ: “Lại từ minh tánh” đến “ngã thọ dụng”.

Hỏi: Tại sao không thọ dụng có thể năng thành minh tánh?

Đáp: Pháp sở thành tuy không lia bản, cần bản chuyển biến mới có thể thọ dụng, nên nói pháp thọ dụng thành, như món đồ thành tuy thể tức là vàng, cần phải thành món đồ ấy mới có thể thọ dụng, cho nên nói dùng món đồ không nói dùng vàng, đây cũng như vậy.

Sớ: Từ tự tánh trước sinh đại.

Hỏi: Tự tánh sinh đại, hai mươi hai pháp khác thừa nhận triển chuyển sinh, làm sao luận nói hai mươi ba pháp tổng tự tánh thành?

Đáp: Hai mươi ba thể đều từ tự tánh thành, căn cứ tướng cùng khởi chỉ nói sinh đại, còn truyền truyền sinh khác cũng không có lỗi.

Sớ: Ngã chấp.

Chấp biết ngã sở kia, sự nghiệp cần làm, cũng như luật nói người chấp sự.

Sớ: Ban đầu gọi là chuyển khác.

Ngã chấp ban đầu từ bờ mé của đại khởi gọi là chuyển khác, cũng như tô, dầu của thế gian để dưới ánh mặt trời thì chảy ra, ngã từ đại sinh nghĩa đồng với đây, gọi là dật lựa. Hoặc chuyển khác là nói đại kia vậy. Do vì nói ban đầu, đại từ tự tánh chuyển có khác.

Sớ: Ngã mạn sinh năm đại.

Hỏi: Xét trong kinh Niết-bàn quyển 39 nói, từ mạn sinh mười sáu

pháp, đó là năm đại, năm tri căn, năm tác nghiệp căn, tâm bình đẳng căn, nói một sao mà trái ngược đến thế?

Đáp: Có nghĩa kinh dịch lầm, kinh ấy ở sau nói là mười sáu pháp từ năm pháp sinh, đó gọi là năm trần. Nếu mạn đã sinh mười sáu pháp, tại sao lại nói là năm pháp sinh? Nên biết dịch lầm.

Biện rằng: Hoặc tại tông kia chấp có mười tám bộ sai khác, trước sau của kinh đều nêu một thuyết, đây cũng có lỗi gì?

Sớ: Nên mười một pháp biến dịch chẳng phải gốc, thuận với giải thích sau.

Vừa xem hai giải thích tuy chung riêng khác nhau, nhưng đều nói đại mà có thể tạo căn, mười một chẳng phải gốc, kết hợp thuận hai giải thích, trước thật lý giải thích lại đứng về triển chuyển có nghĩa trợ thành, căn thể thật thành là năm duy lượng, nên thuận giải thích sau.

Sớ: Đại khiến căn v.v...

Khiến là trừ bỏ, tức là các đường khạc nhỏ, đại tiểu tiện.

Sớ: Không đồng với bình v.v...

Hỏi: Bình họ thừa nhận thật, lại có nhiều pháp thành, nay trong nhân đây lẽ nào không có bất định?

Đáp: Cũng nằm trong sở lập nên không có bất định.

Sớ: “Nếu nói ba đức” đến “không đồng dụ”.

Mỗi người sai khác, do ba đức thành mà chẳng phải là giả, quân đội v.v... chỉ do nhiều người thành, nên gọi là giả, không nói quân đội v.v... dùng ba đức thành. Nếu ba đức làm người, quân đội v.v... đồng dụ thiếu không thể lập, nếu đem người khác dùng làm dụ ấy, người khác chẳng phải giả, thiếu không có sở lập, nên gọi là không có dụ.

Sớ: Nếu căn cứ ba giả v.v...

Hỏi: Luận đây ở sau nói là tụ tập giả, đâu không trái nhau?

Đáp: Đây đứng về lúc chưa diệt mà nói, gọi là giả tương tục, luận căn cứ tích tụ nhiều pháp để thành nên không trái.

Sớ: Chân như lìa ngôn thuyết.

Thể Chân như chẳng phải nhiều việc thành, nên không đồng với luận.

Sớ: Do khi được sắc cũng được đại v.v...

Luận kia nói năm căn, tâm bình đẳng căn là thể của hiện lượng. Luận do đại v.v... thành ở sắc, nên khi được sắc cũng được đại v.v... Các pháp ngã chấp là hiện lượng đặc đều chuẩn theo đây biết.

Sớ: Chấp ấy là thường.

Do chẳng phải sinh diệt gọi là thường, không đồng với thường của

thần ngã tự tánh v.v...

Sớ: Sở đắc của hiện lượng.

Nhãn v.v... thể năm căn là hiện lượng. Đại v.v... chỉ là hiện lượng sở duyên, nay nói như vậy là hiển bày Y chủ, không nói là nói thể của cảnh tức là hiện lượng.

Luận: Ba thể đã khắp v.v...

Hỏi: Người ngoài vặn hỏi rằng: Thức thứ tám trong tông của ông cũng đồng lỗi này, do thể của thức năng biến không khác, ông nếu không trái, ta có lỗi gì?

Đáp: Do sức huân tập của sáu thức, núi không có núi khác, nên Thức thứ tám chẳng phải tất cả chỗ đều biến thành núi, nên không đồng với ông.

Sớ: Tướng thật có ba v.v...

Các pháp khi ba đức chưa biến đại v.v... đều có một tướng gọi đó là ba, khi biến đại v.v... mới hợp thành một.

Sớ: Do vì trái tự tông nên thành một vặn hỏi.

Trong đây thể tướng đều nêu mà kết hợp thành hai vặn hỏi, do vì cùng trái tông nên chỉ nói một.

Sớ: “Lần thứ nhất” đến “giống vặn hỏi này”.

Kế luận trước nói. Lại ba là sai khác, là lần thứ nhất. Nói giống như đây, tức là văn của lần thứ ba này, chẳng phải văn lần thứ hai, vì văn thứ hai chưa gạn lỗi kia vốn có ba tướng và bản thể nên sinh khởi văn sau, nên cuối lần thứ hai mới nói như đây.

Sớ: “Do họ lại chấp” đến “đều có ba tướng”.

Đây chuẩn theo văn số chỉ có năm lượng, đôi ba phen tác giả kết hợp có tám lượng, phân biệt làm bốn cặp, trong cặp thứ hai văn số có đủ cả hai, còn ba cặp số nói chỉ một lượng chỉ bày phương góc.

1. Tổng pháp tức phá riêng, trong số đại v.v... tổng pháp đến làm vặn hỏi cũng vậy.

2. Tổng tướng tức phá thể, trong số lại gạn ba việc đến như tổng tướng, trong văn có đủ hai lượng nghịch.

3. Tổng tướng chẳng phải phá một. Số nói ba việc tổng tướng đến như vốn có ba việc.

4. Biệt tướng ba lần phá, trong số có ba việc biệt tướng đến như đại v.v... ngược lại nên biết. Có thuyết nói, ba cặp có sáu lượng là lý bất tận.

Sớ: Đệ tử Nho Đồng là Ngũ Đảnh.

Có thuyết nói, Nho Đồng có năm đệ tử tên là Ngũ Đảnh. Nhưng

lại nói Nho Đồng tên là Ngũ Đảnh. Nhưng trong số nói Nho Đồng tử kia xưng là Ngũ Đảnh cũng chưa thể nương đáng tin. Nho Đồng tức là tên khác của Đồng tử, vì cha của Bà-la-môn chẳng phải Đồng tử.

Biện rằng: Nhưng nghĩa của sư thứ nhất tuy không có chỗ căn cứ, nhưng lý cũng có thể thông. Nghĩa của sư thứ hai bài xích số hoàn toàn sai, thế tục lập tên có các loại sai khác, tuổi trẻ đáng mạo đẹp gọi là Nho đồng, lúc già gọi theo cách xưa nào có lỗi gì? Nếu nói Nho đồng là chỉ cho những người nhỏ, nếu người đó có tên tục là Quán Âm thì lẽ ra họ phải là Thánh. Đây đã nếu không như vậy, thì việc kia làm sao đúng được!

Số: Nếu có sắc vị hương xúc gọi là địa.

Hỏi: Trong các môn sau của Thập Cú luận nói, đại do mười bốn đức gọi là hữu đức, như ở sau trong số nêu, tại sao nay nói địa có bốn đức?

Đáp: Nếu hiển bày thể của địa chỉ do bốn đức, nếu luận về địa ấy cùng với đức để nương gọi là hữu đức, có mười bốn đức, còn mười đức khác chẳng phải hiển bày địa nên không nói, cũng không trái nhau, còn thủy hỏa v.v... đều chuẩn theo đây giải thích.

Số: Nhân của duyên năng thuyên gọi là thời v.v...

Do đồng thời, thế là thật có, cùng tâm thuyên duyên, danh, cú v.v... mà làm nhân, còn lại phỏng theo đây.

Số: “Nếu giác lạc” đến “gọi là ngã”.

Do ngã có thể khiến chín đức hòa hợp mà có thể khởi trí, cho nên nêu trí sở hòa và sở khởi để hiển bày thể của ngã. Có thuyết nói, hòa hợp tức hòa hợp cú do ngã và thể hòa hợp làm nhân hòa hợp tức khéo hòa hợp chín đức.

Biện rằng: Không đúng. Trong Thập Cú luận ghi: “Ngã nghĩa là giác, lạc, khổ, dục, sân, cần, đông, hành, pháp, phi pháp v.v...”. Nhân duyên hòa hợp khởi trí làm tướng, nếu ngã cũng là nhân hòa hợp, thì luận ấy lẽ ra sau chữ “hòa hợp” phải đặt thêm chữ “vân vân”, nếu đã không như vậy, nên biết ngã là chẳng phải nhân hòa hợp.

Lại luận kia giải thích ý rằng giác, lạc v.v... chín đức không có hòa hợp, nhân duyên khởi trí gọi là ý, có lẽ ý cùng pháp không hòa hợp mà làm nhân, chín đức mới có thể khởi ở trí ư? Nếu thừa nhận như vậy thì tông ấy có chỗ nào không hòa hợp? Nếu không như vậy thì ngã làm sao đúng? Hơn nữa Thập Cú luận không nói ngã cùng hòa hợp cú làm nhân duyên.

Số: Chỉ có nhãn sở thủ một y danh sắc.

Lựa chọn khác với những đức khác gọi là chỉ có nhãn sở thủ, sắc nường một thật gọi là một y, nên luận ấy nói thanh, xúc, sắc vị, hương đều là một căn sở thủ, hương v.v... đều nường một thật, nhưng khi nhãn thủ, phải nhiều vi trần hợp mới thành cảnh. Nay bàn về sắc, thể nường một thật chẳng phải một nường sắc tức nhãn năng thủ, nên luận kia nói: Sắc hương vị v.v... nếu y cực vi và quả hai vi gọi là phi hiện lượng. Nếu một y sắc tức nhãn năng thủ, sao chẳng phải hiện cảnh nhãn v.v...? Vì sở đắc đều là hiện lượng, hoặc căn cứ thể kia là nhãn sở thủ một y danh sắc, không phải thừa nhận nhãn thủ một vi sắc.

Sớ: Lượng có năm loại.

Hỏi: Nhỏ và ngắn đâu có khác? Dài và lớn cũng đâu có khác, đều nường quả hai vi, ba vi chẳng?

Đáp: Thể tuy không khác, hình đợi thành khác. Có thuyết nói: Vi và đại hai lượng căn cứ khi nằm mà nói, dài ngắn hai loại căn cứ khi đứng để nói.

Biện rằng: Vì sao trong pháp đứng không thừa nhận vi và đại, trong lúc nằm không có dài ngắn ư? Trong luận lại không nói, giáo lý đều không, vốn khó nường.

Sớ: Ly v.v... của sở sinh.

Như cỏ cây v.v..., gặp gió v.v... các duyên nhánh lá suy tàn, cùng hư không lìa mé sinh được một ly, ly sở sinh này nên gọi là ly sinh, ly của sở sinh này là từ ngữ giải thích. Lại do thể ly hay khiến pháp ly, nghĩa hợp trái ở đây.

Sớ: Đây có hai loại.

Thuận nhau gọi là đồng, trái nhau gọi là không đồng. Có thuyết nói nhân quả đồng thời gọi là thấy đồng, như lửa cùng khói là đồng thời, nhân quả khác thời gọi là thấy bất đồng, như thấy lúa chết lại có sương, tuy có đồng thời là đứng về nhiều phần mà nói.

Biện rằng: Khó biết, nếu đồng thời thấy gọi là đồng thời, khi thấy khói đã không thấy lửa, đâu được gọi là đồng, nếu cũng thấy lửa, đây tức là cái biết của hiện lượng, đâu được nói tỷ lượng? Nếu nói khói lửa căn cứ thể đồng thời gọi là đồng thời, lúa hư tổn cùng với sương lẽ nào là khác thời ư? Nếu nói thấy khói ắt có thể lửa, lúa tổn nếu không như vậy, thì không cùng nêu bày, điều này cũng không đúng. Như ta thấy lúa chết gọi là thấy nhân, lẽ nào có nhân năng sinh lúc này có tự thể? Đây có lỗi không cùng khắp, lại trái với kia. Luận nói thấy không đồng cho nên so sánh, nghĩa là thấy nhân quả thuộc nhau một, nghĩa hòa hợp trái nhau, ở trong luận ấy rất ráo không hiện thấy cảnh trí sở hữu sinh.

Luận đã tự nói do trái nhau v.v... mới có trí sinh, nói không đồng là chẳng phải nghĩa thuận, nghĩa đồng trái lại đây.

Sớ: Thường tập gọi là niệm nhân.

Nhưng thường tu tập gọi đó là tập, không đồng Phật pháp huân tập gọi là tập.

Sớ: Cấm, ném v.v...

Do lực làm tác nhân mà làm nhân, cấm mâu quăng đá đá mới đi, nếu không như vậy thì không phát.

Sớ: Thánh trí hỷ nhân.

Cùng trí đồng thời hỷ thọ gọi là nhân, hoặc lìa duyên nhiệm mà làm nhân thành chánh trí vui vẻ, hai giải thích mặc tình chọn.

Sớ: Thường ở thật chuyển

Lược làm hai giải thích: Một là thể tánh là thường, chỉ ở trên thật mới có nên gọi là thường thật chuyển. Hai là hằng thường chỉ ở trên thật cú chuyển nên gọi là thường.

Sớ: Là ngăn đức v.v... tâm tâm sở.

Do khác với đây, cho nên ngăn duyên đức v.v... tâm tâm sở pháp không duyên nó. Biểu duyên thật v.v... tâm tâm sở pháp mà năng duyên, hoặc khác làm nhân khiến duyên chín thật tâm tâm sở v.v... đều có sai biệt, nên luận ấy nói ngăn giác nhân kia, là nêu giác nhân này gọi là nghĩa câu khác.

Hỏi: Đức v.v... cũng có nghĩa tự loại sai biệt và khác thật nghĩa, sao không nương lập?

Đáp: Đức đều là đức của các nhà chấp thật, thật làm y, nên nói dùng đức mà hiển thật. Có và đồng dị cũng là thật tánh, nên chỉ nương bản mà lập dị kia.

Sớ: “Thể câu phân” đến “tất cả căn sở thủ”.

Đây có tổng biệt. Câu phân là thật, đức, nghiệp ba pháp. Cả ba không đồng nên gọi là tổng khác. Chín thật, danh thật gọi là tổng đồng, đức nghiệp cũng vậy. Vả lại một địa thật có rất nhiều địa, tổng gọi là một địa gọi là biệt đồng, mỗi mỗi nghĩa sai khác gọi là biệt khác, đức nghiệp chuẩn theo đây. Tánh đồng dị này ở trên sắc tức nhãn căn thủ, các căn khác cũng vậy, gọi là đức các căn.

Hỏi: Không, thời, phương, ngã, ý đã chỉ là một, tại sao lại có câu phân khác?

Đáp: Có ba giải thích:

1. Chỉ tổng tướng nói có câu phân khác, chẳng phải hoàn toàn nhất nhất thật đều có khác.

2. Ngã, ý, thời đồng đối với nhiều người và các phương, thời cũng được có khác, hư không trông khác, khác năng hợp là nói cũng có nhiều nghĩa.

3. Đứng về đức nương nhiều ít cũng khác gọi là câu phần khác.

Hỏi: Xét văn luận ấy, đều câu phần không có tổng biệt, sơ chuẩn theo làm sao khai?

Đáp: Tuy không nói nhưng lý thật nhất định có, nên luận ấy nói câu phần là gì? Là thật tánh, tất cả thật hòa hợp với mỗi mỗi thật thật thuyên duyên nhân, đức, nghiệp cũng vậy, giải thích tức đều câu phần. Luận ấy nói, và một nghĩa kia hòa hợp địa tánh, sắc tánh, thủ tánh, giải thích như thứ lớp tức là nghĩa của thật, đức, nghiệp cả ba sai là câu phần khác. Do đây trong sơ khai khéo được ý chỉ kia.

Sớ: Hòa hợp v.v... chỉ có một vật.

Hỏi: Có năng mà khiến thật v.v... tạo quả, tạo quả không đồng, có năng cho nên nhiều, hòa hợp mà năng hòa hợp thật v.v... thật v.v... mỗi mỗi mà có nhiều loại thì hòa hợp lẽ ra nhiều?

Đáp: Thật v.v... đều khác, hoặc cùng tạo quả, vì tạo quả chẳng phải một, nên có khả năng nhiều, hòa hợp chỉ khiến tổng thật đức nghiệp tương thuộc không lia, nên thể chỉ là một.

Sớ: Không, thời, phương, ngã, ý, năm pháp là một vật.

Hỏi: Ý như hai cực vi làm sao thành một vật?

Đáp: Trong thân một người chỉ có một loại nên gọi đó là một, giả sử như hai cực vi không nói cực vi thành nên cũng gọi là một.

Sớ: Ý v.v... là thường.

Hỏi: Như hai vi đại sao gọi là thường?

Đáp: Chẳng phải cái khác tạo tác tức gọi là thường, tuy như hai cực vi nhưng không nói tha tác cho nên là thường.

Sớ: Giác lạc v.v... vô thường.

Hỏi: Như sắc, vị v.v... tùy sở y thật thông thường vô thường, giác lạc này v.v... tại sao không như vậy? Luận nói giác v.v... nhưng nương ngã?

Đáp: Nếu chẳng phải sở tác có thể gọi là thường, nếu là sở tác, dù sở y thường cũng là vô thường, giác v.v... mười bốn pháp đều là sở tác, nên luận ấy nói, mười bốn đức đây đều đợi nhân sinh, đợi nhân sinh tức là sở tác, nên là vô thường, như trong luận có nói đủ, sợ dài dòng nên không chép.

Sớ: Ly tánh vô thường.

Hỏi: Ly hợp tương đối, ly chỉ có vô thường, hợp tại sao không như

vậy, lại nói hợp tánh cũng đợi nhân?

Đáp: Nghiệp v.v... hợp thời, có sở y thật mà là thường nên được thông thường, ly thì không như vậy nên không nêu. Lại tuy thể của đãi nhân chẳng phải sở tác nên được thành thường, còn lại chuẩn theo đây.

Sớ: Kia đây chỉ là vô thường.

Hỏi: Đây kia đã nói cận viển hai giác đợi số, thời, phương. Thời phương cả hai đều là một phần của số, thể đã là thường, kia đây vì sao vô thường?

Đáp: Luận về đợi tha sinh tức là sở tác, sở tác thể kia đây là vô thường, không đồng một v.v... đích thân nương thường nên được tên là thường, đây là đợi xa.

Sớ: Sắc vị hương xúc nếu địa sở hữu chỉ là vô thường.

Tức là luận ấy, nhân ở địa thô là Đồng loại nhân, nên đều vô thường.

Sớ: Trong môn nhân v.v...

Trong các môn luận ấy biện đức, đứng về nhân nói đức gọi là nhân môn.

Sớ: Lửa hợp làm nhân.

Xét luận kia nói hỏa hòa hợp làm nhân, nghĩa là địa sở hữu các cực vi như sắc hương vị xúc, giải thích mỗi mỗi trên địa chỗ có sắc hương vị xúc, do các cực vi cùng hỏa hòa hợp nên làm nhân sinh khởi. Nên luận lại nói: Sắc hương, vị xúc địa sở hữu, cực vi hòa hợp là cùng hỏa hòa hợp, đã nói Cực vi hòa hợp, cùng hỏa hòa hợp, rõ biết hỏa cùng địa v.v... cực vị hợp sinh hương v.v... Có thuyết nói hương của niệm trước cùng hỏa hòa hợp làm nhân, hay sinh hương của niệm sau. Lại nói sắc v.v... hỏa hợp làm hương nhân sinh. Lại nói hai hỏa cực vi mà sinh tử vi.

Biện rằng: Tóm lại không đúng lý, đều trái với luận kia.

Sớ: Đồng loại là nhân v.v...

Xét luận kia ghi: Sắc vị hương xúc đồng loại làm nhân, nghĩa là hai quả vi đồng hòa hợp. Giải thích hai quả vi v.v... sắc hòa hợp, từ sắc cực vi v.v... mà sinh, sắc cực vi v.v... là sắc quả vi Đồng loại nhân, nên luận lại nói, sắc cực vi v.v... năng tạo đồng loại, hai cực vi v.v... sắc đồng loại quả.

Sớ: Từ trước đồng loại làm nhân sinh.

Các nhà số giải giải thích nghĩa của Đồng loại nhân kia.

Hỏi: Nay dẫn hỏa hòa hợp Đồng loại nhân, văn tại sao dẫn chứng

hương kia chỉ có vô thường?

Đáp: Hai quả vi v.v... luận thừa nhận vô thường, hương đã ở trên hai vi quả từ đồng loại sinh, nên biết vô thường, trong luận nói tất cả hương v.v... trong địa đều vô thường, nay dẫn hỏa hòa hợp hiển bày hương địa, rõ biết vô thường.

Hỏi: Đã chỉ có vô thường, vì sao luận ấy nói chỉ ở trong vô thường, chỉ có thứ mười ba không nói hương sao?

Đáp: Giác v.v... mười ba thuyết không đứng về sở y để biện vô thường, đồng loại hợp nói có mười ba đức, hương vị v.v... bốn thuyết do đứng về sở y biện thường, vô thường, cùng giác v.v... riêng không nói mười bốn.

Sớ: Tánh ướt địa hỏa đã có tất cả là vô thường, chuẩn theo tánh ướt đây không nương địa hỏa cha mẹ cực vi, có thể nương thủy vi, do đây kia thừa nhận, tánh ướt thông với thường. Địa v.v... cứng chắc, vì của cha mẹ không có chảy và ướt, hỏa tại sao không, vì chẳng phải cứng chắc chẳng?

Đáp: Luận thừa nhận mắt thấy tro đỏ bền chắc v.v... cũng gọi là lửa, dù ngọn lửa v.v... cũng không đồng tánh nước, vì mạnh yếu khác nhau.

Sớ: Tùy theo sở y thật hoặc thường hoặc vô thường.

Sắc v.v... mười loại tùy theo chỗ kia thích hợp nương thủy hỏa phong cha mẹ cực vi tức gọi thường trụ, y tử vi v.v... là vô thường. Sắc vị hương xúc nếu y nơi địa, thì tông ấy tự nói chỉ là vô thường.

Hỏi: Sắc v.v... là y địa cha mẹ cực vi chẳng? Nếu không nương là có lý do gì? Nếu thừa nhận y, sắc v.v... năng y làm sao chỉ có vô thường?

Đáp: Luận ấy không giải thích, dùng lý mà nói thì nghĩa đồng tánh ướt không nương địa cha mẹ cực vi, hỏa v.v... sắc cực vi có được nghĩa, năng y thông với thường.

Sớ: “Như địa” đến “toàn là thường”.

Trong thật cú, địa cùng đức giác v.v... rất ráo không tương ứng, gọi là thường không kế hội.

Sớ: Tự thừa nhận đức v.v...

Lại như các đức trong địa gọi là tự thừa nhận đức, đức đây cùng với thật của sở y có lúc kế hợp, chẳng phải thường không kế hội nên gọi là vô thường.

Sớ: Như thường, vô thường, sở tác, chẳng phải sở tác cũng vậy.

Có nghĩa hễ là thường tức là chẳng phải sở tác, nếu là vô thường

tức có hai loại, có pháp vô thường đều là sở tác, không nói vô thường tức chẳng phải sở tác, không nói không có tự thể vì không thể tạo tác, nhưng chẳng phải hằng không gọi là vô thường. Sở nói không nói sở tác phi tác nghĩa đây sẽ sai.

Biện rằng: Luận ấy không nói sở tác phi tác, nhưng căn cứ lý là có nghĩa có thể nương. Ý số thông kết thường vô thường đã nói trước, tùy theo thích hợp được nói sở tác phi tác, không phải riêng kết trong một câu “không nói”, đã gọi là không sở tác làm sao có, mà thấy không ư? Do trong luận ấy tác phi tác đồng với nghĩa thường vô thường ở trước, nên trong số v.v... nói lại.

Số: Tử vi trở về trước là hiện lượng v.v...

Nay giải thích tử vi, cũng chẳng phải hiện đắc.

Biện rằng: Số đã nói tử vi trở về trước, rõ biết không nói tử vi là hiện. Ở sau phá Thuận Thế nói nhiều quả hợp dùng làm cảnh ấy, không chứng tử vi là hiện cảnh, đủ như trong Nghĩa Đăng.

Số: “Không, thời, phương v.v...” đến “chẳng phải hiện lượng đắc”.

Không là thanh y, thanh chỉ có hiện cảnh, tại sao nói Không chẳng phải hiện cảnh? Cho nên có thể nói Không cũng là hiện cảnh.

Biện rằng: Không đúng. Tuy tai nương hư không, hư không lẽ nào là sở văn khiến tai nghe được sao? Là không đồng với địa v.v.... Họ thừa nhận sắc v.v... y địa có, nên mắt thấy địa. Lại trong luận giải thích hiện lượng nói: Ở thật sắc v.v... căn v.v... hòa hợp có liễu tướng sinh đây gọi là hiện lượng, không chẳng phải căn hợp cho nên chẳng phải hiện đắc. Lại nói, Hiện lượng là thế nào? Nghĩa là liễu tướng đối với sắc, vị nhân đến địa, thủy, hỏa, thật sở hữu trí, nếu hư không cũng là hiện lượng đắc, vì sao không nói đến hư không? Trái giáo trái lý nên khó nương.

Số: Văn không nói trọng v.v... sở chủ lẽ ra sửa lại không có bản chánh. Nay đích thân sửa bản luận ấy rằng: Sắc hương vị xúc hiện chẳng phải hiện cảnh, nếu thêm cực vi và hai vi quả, gọi là chẳng phải hiện cảnh, nghĩa là nếu y vào đại chẳng phải nhất thật, đây gọi là hiện lượng cảnh, nghe tất cả là hiện cảnh, số lượng, biệt, hợp, ly, bỉ, thử, ướt, nhuận, trọng thế dụng, như sắc vị hương cũng vậy, nên biết tính trọng thông hiện, phi hiện.

Số: Tuy có sáu câu toàn là thường v.v...

Đây nói lại thường vô thường v.v... trong mười câu, muốn hiển trong cái thường hay sinh quả, nên nêu lại.

Số: Năm câu hoàn toàn tuy thường mà không sinh quả, hỏi ngã là

tạo tác, sao không sinh quả?

Đáp: Chỉ có thể tạo nhân không tạo quả, quả sở thọ, tha sở tác.

Sớ: Câu đức chuẩn theo hữu năng.

Thật v.v... sinh quả cần phải có năng, sở dĩ có năng gọi là thường sinh quả, ược v.v... mười đức sinh quả cần có, nên đồng có khả năng, gọi là thường sinh quả.

Sớ: Nhưng trong thật có v.v...

Chín câu trong mười câu thật có gọi là nhiều thật có, trong nhiều thật này năm câu là hiện lượng, hiện lượng sở dĩ được gọi là nhiều, nếu không như vậy không được gọi nhiều hiện lượng. Năm là hiện lượng, năm phi hiện lượng, hiện chẳng phải hiện v.v... hiện sao gọi là nhiều?

Biện rằng: Nói chung mười câu cũng được gọi là nhiều, nhiều chẳng phải là một, nên năm tên là nhiều, không cần hình tướng mới gọi là nhiều.

Hỏi: Mười câu, sáu câu nhiếp nhau thế nào?

Đáp: Thật, đức, nghiệp v.v... sáu câu có thể biết; khác, có, không có thể có nhiều giải thích, có nghĩa ba loại thuộc về câu đồng dị, ba loại đều là nghĩa sai biệt. Dị cú đã chỉ có thật chuyển, tức thuộc về thật cú, có năng, không có năng, thật, đức, nghiệp khi đắc quả đều mong tự quả và chẳng phải tự quả nhất định cần có nhân, trở lại nương thật v.v... ba câu sở nhiếp, sáu câu y có không thâm nhiếp nên không nói.

Biện rằng: Thuyết sau thù thắng, vì có nương tựa. Hoặc không nhiếp nhau, lý cũng không có lỗi, nếu nương thật v.v... tức thật v.v... nhiếp, đức cũng nương thật nên cũng thuộc về thật. Đây đã không gồm thâm, luận nói làm sao nhiếp? Lại trong luận ấy không có chỗ nhiếp nhau.

Sớ: Sáu câu đều thật.

Có nghĩa thông giả, nghĩa là quân đội, rừng v.v... nếu y giải thích trước quân đội, rừng v.v... là giả, chẳng phải sáu thủ gồm thâm, nên thuyết sau trội hơn.

Biện rằng: Quân đội, rừng v.v... lia người, cây v.v... không có quân đội, rừng khác, nhiếp giả tùy thật danh, thật có lỗi gì? Lại không có nhiếp giả tức chẳng phải thù thắng, không nhiếp không nói lẽ ra chẳng phải thù thắng, cho nên trong sơ nói lý không lỗi.

Sớ: Không thể dùng không có dụng để hỏi v.v...

Nghĩa là tự Chân như thật không lia thức, vì sợ họ vọng cho là lia thức mà có thành bất định, vì ngăn điều này nên không nói vô tác.

Hỏi: Nếu vậy, thường trụ chẳng sinh quả, nhân cũng ở Như mà

chuyển, trong luận sao không gần?

Đáp: Căn cứ thật vô tác không sinh quả v.v... đều là chánh nhân, Chân như tự thừa nhận không lia thức, nên không thành bất định. Nhưng pháp lập nhân không thể đều nêu bày, nên luận lại nêu thường trụ để hỏi.

Sớ: Lượng rằng: Đây v.v... thật thường không sinh quả.

Hỏi: Tông nhân đã đồng, lẽ nào không có pháp thành ở hữu pháp nhân không nương sao?

Đáp: Sớ chỉ nêu pháp không thể dẫn rườm rà, lý thật nên lập lại thường không sinh quả, tên mỗi mỗi pháp dùng làm tông suy nghĩ đó có thể hiểu.

Sớ: Hoặc các câu khác vô thường tuy không sinh quả v.v...

Tức hợp ly v.v... trong câu đức, đức mà vô thường là không sinh quả.

Hỏi: Nay họ tỷ lượng, họ thừa nhận lia thức thật có tự thể, sao chẳng phải bất định?

Đáp: Sớ chủ đã tạo trong số Nhân Minh, lập nhân tự tha lựa chọn phân tích như Sở, Việt kia mà biện luận này thường tương hỗn tạp như mía với cỏ, nay lấy ngu độ trí lược phân hai ý:

1. Thử các học giả mà ngộ chẳng? Tức trong Câu-xá luận có ý đây.

2. Các sư Nhân minh ở lỗi một nhân không phân chín, nay tùy theo họ nói, lại muốn phát sinh học giả giác tuệ nên chỉ bày sai lầm. Nếu nói sớ chủ thật không hiểu lý này, trong số Nhân Minh sao đối chiếu như vậy, cho nên phải không đưa ra hai ý trước, nên nhân lẽ ra nói thừa nhận là thường trụ không sinh quả, lựa chọn các bất định thấy đều không có.

Sớ: “Nay nói thường trụ” đến “ở dị dụ”.

Tức nhân dị dụ, chuẩn theo giác lạc v.v... tông đồng nhân dị, lý môn chín câu, phải là câu thứ tám đồng phẩm phần chuyển cũng là chánh nhân.

Sớ: Lại không nói thường v.v...

Tức trong tông nhân đều trừ chữ thường, tông thì trừ giác v.v... nếu không như vậy sẽ mắc lỗi tương phù.

Biện rằng: Giả sử trừ thường, giác v.v... cũng chỉ là tông đồng phẩm, luận thừa nhận giác v.v... mà có thể sinh quả, chẳng phải nhân đồng dụ, nên luận ấy nói một thể, biệt thể giác ấy làm nhân, thể đây thể kia do giác xa gần mà làm nhân, đã nói làm nhân, rõ ràng quả năng

sinh.

Sớ: Đồng dụ cũng chẳng phải định là hữu tánh.

Căn cứ ý dụ nói chẳng phải định hữu, giác v.v... trên dụ nhân vô ngại mà được chuyển.

Sớ: Phần đầu có hai, dùng đức nêu bày thật v.v...

Biện rằng: Nếu chuẩn theo số phân khoa, địa, thủy, hỏa văn một đoạn không nhiếp, nên nay nói, trong ban đầu có hai: Một là Câu xúc lẽ ra đồng phá, hai là Đồng kiến không phá khác. Trong phần đầu lại có hai, văn dễ có thể biết.

Sớ: “Địa v.v... kia” đến “vì đều có xúc”.

Do thân được xúc, địa v.v... có thân xúc được địa v.v...

Sớ: “Sắc đức” đến “trong phong không có sắc”.

Sắc không nương phong, do thân căn đây không được đối với sắc.

Hỏi: Nếu vậy thân đắc địa v.v... làm sao không được sắc, sắc nương địa?

Đáp: Căn, cảnh tương đối thân đắc phong v.v... do địa có xúc nên cũng được, chẳng phải đắc địa v.v... tất cả đức chẳng phải tự cảnh.

Sớ: Họ nói do giả thật địa đều gọi là địa.

Phật pháp luận về họ chẳng phải tông khác lập có giả địa, tức chỗ thấy của nhãn gọi là giả địa, địa cứng làm tánh, thật thân căn được. Có thuyết nói nước mà mắt thấy gọi là giả địa.

Biện rằng: Không phải vậy, nước mà mắt thấy chỉ là nước giả, họ cũng thừa nhận nước là mắt thấy. Nếu nước mà mắt thấy gọi là giả địa, lại vì sao nước là chỗ thấy của mắt? Nếu nói mắt khác không thừa nhận thấy nước là trái với luận này.

Sớ: Văn nói tuy tổng v.v...

Kết trình bày chánh nghĩa là văn nói tổng, không dùng luận nói không thật địa v.v... tức vặn hỏi đối với sắc khác tức là địa, từ năm cảnh phân, sắc không phải địa, nếu vặn hỏi họ là có lỗi trái với tông.

Sớ: Cũng chẳng phải địa v.v... là ý trong đây.

Luận nói cũng chẳng phải mắt thấy thật địa v.v... ý nói địa v.v... chẳng phải chỗ mắt thấy, thuộc về thật cú. Ý đây, tức là ý kia đây cùng nêu bày.

Sớ: “Nghịệp” đến “tánh của ba sắc”.

Đại hữu, câu phần là sắc tánh.

Sớ: “Lúc nhận lấy thanh” đến “gọi là định nhĩ căn”.

Không của thân gần mà khởi tác dụng nhận lấy thanh.

Hỏi: Nhĩ căn là thường chăng?

Đáp: Nhĩ tức là không, nên nhĩ cũng thường, hoặc là vô thường như bản vi thường sở sinh tử vi là vô thường, nhưng giải thích trước thù thắng, luận ấy nói nhĩ tức là không, cùng với nghĩa của vi sai khác.

Số: “Hư không” đến “số làm dụ”.

Chữ “số” e rằng lầm phải là chữ “bất”, không, trạch diệt v.v... tuy không lia tâm, không được đem làm dụ, vì sao? Không, trạch diệt v.v... là pháp của Phật pháp, nay đứng về tha tông dùng làm tỷ lượng, không thể đem các pháp tự trạch diệt v.v... mà dùng làm dụ, nên trong số căn cứ tông khác tỷ lượng là giải thích lý do, nếu không như vậy, từ trước đến nay chỗ nào có trạch diệt làm dụ mà nói là số?

Số: Tuy có tha tùy theo một lỗi khác.

Phật pháp gọi là tha, ngoại đạo tha, còn lại chuẩn theo nên biết.

Số: Tám câu khác, mỗi mỗi riêng trừ thành tám tỷ lượng.

Có nghĩa trong chín câu, tùy trừ câu nào dùng làm tông, nhân. Nói chẳng phải thật v.v... là chẳng phải hiển nhiều lượng, vì sao? Lại như tông ban đầu nói đức v.v... là trừ câu vô thuyết đều đồng chăng? Nếu không đồng không tận, nhân lại bất định. Nếu nói v.v... còn bao nhiêu chỗ đều đồng, tức một tông nhân đã có thể thành lập chỗ đồng tám câu, chẳng phải lia thức có, lại còn làm tông phạm lỗi tương phù, trước đã thành cho nên do lượng tông ban đầu thành tám câu, sau lập riêng một tổng thành hai lượng.

Biện rằng: Ý số nói, trong chín câu tùy theo trừ một liền được thành lượng, không chỉ hạn cuộc ở không thật có hai, còn các câu khác đều có thể trừ làm nghĩa lượng, sợ những người lầm lạc y văn phong chấp chẳng phải thật chẳng phải có, cả hai được làm lượng khác bèn không được nên nói tám lượng, hoặc đứng về câu số mà có biệt biệt cả hai hợp đồng nghĩa, không cần khiến làm. Lại không nói hai hợp các lượng mà không có lỗi, vì khiến học giả được sinh dị trí nên nói như vậy.

Luận: Chỗ chấp kia có v.v...

Hỏi: Do chẳng phải không nhân, mà gạn hỏi người khác, tức trong Phật pháp có các thể pháp cũng không được thành, lượng khác vặn hỏi rằng: Thanh của ông nên lia ngoài sắc không có tự tánh riêng, thừa nhận chẳng phải không, cũng như sắc v.v...

Đáp: Trong tông tự giáo, thế gian hiện lượng, từ ngữ tương vi, ông lẽ nào không thừa nhận thanh lia sắc có, ở sau thừa nhận nhân dị thật cũng có vặn hỏi đây, phá cũng đồng.

Hỏi: Bên ngoài lại vặn hỏi rằng: Thức thứ bảy thứ tám của ông phải là Thức thứ sáu không có tự thể riêng, thừa nhận là thức tánh chẳng phải không, như mắt v.v... có thức, như rớt ráo không đồng, lượng ba chi đủ Thức thứ bảy, thứ tám lẽ ra không?

Đáp: Nhân trước có quyết định lỗi tương vi, tương vi lượng rằng: Tự Thức thứ bảy, thứ tám lẽ ra là Thức thứ sáu có tự thể sai biệt, thừa nhận thức khác đồng có căn như nhãn v.v..., sau lượng tông có lỗi một phần khác sở biệt, Phật pháp không thừa nhận Thức thứ tám cùng thứ sáu hoàn toàn lia tương, nhân cũng một phần khác tùy theo một lỗi, Thức thứ tám làm y của Thức thứ sáu, chẳng phải nhất định dị. Lại tục có biệt, chân không có biệt, đã là tự lập ba chi lẽ nào đủ? Nên Thức thứ bảy, thứ tám của ngã được thành, nên suy nghĩ kỹ.

Sớ: Ngã quyết định tương vi.

Người ngoài lập lượng rằng: Đã nói hữu tánh lia thật v.v... ba pháp có tự thể riêng, trừ ngoài không nói, còn trong sáu câu tùy theo một nhiếp như các câu dị v.v... Có thuyết nói, hữu tánh dị thật v.v... ba định lẽ ra riêng có, thật v.v... không nhiếp, như tánh đồng dị.

Biện rằng: Nói riêng có là riêng có tự thể của nó, nếu vậy nhân có lỗi bất định, vì như đồng dị thật không nhiếp có là có tự thể riêng, vì như không nói thật v.v... không nhiếp có là không có tự thể riêng, nên nương ở trước.

Sớ: Đây vặn hỏi hằng ngang nhau v.v...

Luận chủ nói, ông tuy giải thích trước, ta nay lại trách cứ sau, có không hằng đồng, ông nay vì sao mới trừ vặn hỏi của ta? Hoặc có không như nhau, luận chủ vì sao mới trừ vặn hỏi của người ngoài? Giải thích trước là chính. Có nghĩa như Thắng luận chống chế: Hữu pháp có, vặn hỏi khiến không có, sắc của ông v.v... chẳng phải không có đái nhân cho nên có, lông rùa chẳng phải có đái nhân cho nên không, đã thừa nhận hữu pháp từ nhân mà có, không đâu mà không đợi không, ngã cũng có pháp, do có cho nên có, không pháp nào không giả, không pháp nào mới không.

Giải thích rằng: Ngã pháp có nhân quả, nhân quả đều sinh diệt, nhân Hữu vi của ông khởi, lẽ ra chẳng phải một, chẳng phải thường.

Biện rằng: Giải thích ý chỉ rất rõ, lời còn hơi thiếu, có thể nói rằng ngọc Bạch khuê nhưng vẫn còn tỳ vết, vì sao? Lý vô vi làm Ly hệ quả và năng tác nhân, lẽ nào tức sinh diệt? Nếu căn cứ Hữu vi, văn không lựa chọn; thật, đức, nghiệp khác tuy có nhân khởi, họ cũng tự thừa nhận có vô thường, lẽ nào chẳng phải tương phù? Nếu chỉ vặn hỏi

về thường, lẽ nào không lựa chọn? Cho nên nay nên nói pháp Hữu vi của ta có nhân quả, nhân quả đều sinh diệt, các pháp thật v.v... của ông có nhân khởi, thật v.v... lẽ ra đều chẳng phải một, chẳng phải thường.

Sớ: Lẽ nào đây cũng chẳng phải tánh đồng dị.

Tánh đồng dị này không những không phải các tánh thật kia, lại tự thể chẳng phải tánh đồng dị, thế nên nói “cũng”.

Biện rằng: Hoặc cũng trước có, trước có rồi phá chẳng phải các tánh của thật v.v..., đồng dị đồng với kia, nên luận nói “cũng”.

Sớ: Trong đây không tự nói các lỗi tương vi.

Có nghĩa đây nói ông chấp, tuy có thể hiển bày, chẳng phải tự đã thừa nhận. Nhưng pháp, hữu pháp, cả hai nói tương vi, không thể nói không trái lỗi tự ngữ, cho nên tông nói tánh đồng dị của ông lẽ ra chẳng phải tánh thật đức nghiệp.

Biện rằng: Nếu không nói lựa chọn, pháp trái hữu pháp có thể tự ngữ trái, hữu pháp nói ông rõ ràng chẳng phải tự thừa nhận, nay do pháp trái, sao tự nói lỗi? Nếu dùng lời lựa chọn cũng thành lỗi, tức Nhân Minh luận Thiên chủ nêu bày, nêu bày lượng hữu pháp tự tương tương vi nên chẳng phải thật phá, cũng có lỗi tự ngữ tương vi. Luận đã không trái đây làm sao có lỗi? Cho nên đối tông rằng: Tánh đồng dị của ông chẳng phải không có lý đây, nếu lập toàn văn luận mà thành hữu pháp nên phải nương sớ.

Sớ: Nay tông lẽ ra lựa riêng, nếu không lựa riêng, thẳng nương luận làm, tức hữu pháp thành hữu pháp v.v... các lỗi, đức nghiệp đều ở trong hữu pháp, lại đem làm dụ, nên có lỗi này.

Sớ: “Trong đây đã nói” đến “ngay câu làm tông”.

Tức trong luận nói, không phải ở đây cũng chẳng phải thật đức nghiệp, đây chẳng phải trên thủ nói thật đức nghiệp có ba, nhưng họ đều trái, vì phi lượng phá nên nói biệt. Giải thích biệt ngay câu làm nghĩa tông, ý chính hiển trong luận không có lý tổng lượng.

Sớ: Các thủ đức dụ v.v...

Có nghĩa cũng đồng tổng dụ của tông, tổng dụ của tông chẳng phải thật đức nghiệp, biệt v.v... là lấy nghĩa của câu hòa hợp.

Biện rằng: Trong luận đã không có vặn hỏi tông tổng luận, chẳng lẽ là tổng dụ, dụ lập chỗ nào?

Sớ: Lẽ ra chẳng phải thật địa.

Chẳng phải thật địa nghĩa là thông hai nghĩa: Một là chẳng phải địa chân thật. Hai là chẳng phải địa trong câu thật.

Sớ: Nhưng văn chỉ có tánh nêu đồng thật.

Biện rằng: Ý của quán luận, khiến thật đức nghiệp đồng, tánh đồng dị không riêng lập tánh, đây chính do thật mà nêu đồng tánh.

Lại trong số nêu rằng: Vặn hỏi khiến lia thật v.v... không có tánh đồng dị, nay trong luận dùng tánh đồng thật, lẽ ra viết lầm.

Số: Không riêng có đại chẳng phải thật tánh.

Trên chín câu đều có một tánh gọi là đại.

Hỏi: Vì sao vặn hỏi như vậy?

Đáp: Họ nương tương tự lập tánh đồng dị, chín câu đều chẳng phải thật, chẳng phải thật tương tự, nên vặn hỏi khiến lập đại chẳng phải thật tánh.

Số: “Nếu không vậy” đến “phạm lỗi tương phù”.

Đây có hai ý:

1. Nếu không trách thẳng như vậy, thì họ thừa nhận trên đức có phi thật tánh đây là lỗi tương phù.

2. Nếu tổng quát vặn hỏi trên chín câu mà cùng lập một đại chẳng phải thật tánh, tức có lỗi tương phù, họ thừa nhận có đức lập chẳng phải thật, nếu trên chín thì đại chẳng phải thật tánh, họ tức không thừa nhận nên không có lỗi tương phù, giải thích trước là chính.

Số: Năm câu trước hiện lượng sở đắc.

Nay giải thích thật đức thông hiện, phi hiện; nếu chỉ có hiện cảnh, vì sao Thập Cú nói thông phi hiện? Lại phần sau luận nói: Cực vi tụ tập đủ thành căn cảnh, cũng phá bản chấp, nên biết thật v.v... thông phi hiện cảnh, đây tức cả ba hoàn toàn ít phần hiện lượng sở đắc.

Biện rằng: Số nói năm câu là cảnh hiện lượng, căn cứ tổng tụ mà nói, không nói thật v.v... mỗi mỗi biệt pháp đều là hiện lượng, do đâu mà biết?

Đáp: Số nêu bày các nghĩa môn trong Thắng luận, rộng tự phân biệt hiện, chẳng phải hiện cảnh, đâu có thể trước sau như thịt cá trái nhau? Nếu nói số chủ bàn luận vốn sáu câu mà nói năm hiện lượng, thượng hạ của số sao không nói năm chỉ có hiện lượng? Đã không nói chỉ có, nên biết ý số căn cứ trong câu đây có cảnh hiện lượng gọi là năm hiện.

Số: “Chẳng phải duyên này chẳng lia” đến “hiện lượng sở đắc”.

Đây chỉ ngăn thật chẳng phải duyên này lia sở đắc của cảnh trí ngoài thức, mà không nêu bày duyên đây không lia thức hiện lượng trí đắc, do thật cú kia vốn không có tự thể. Lại cảnh trong thức chẳng phải đều là sở đắc của trí hiện lượng.

Số: Sự lẫn lộn với Trì nghiệp thích v.v...

Nếu không nói duyên mà nói lia thức thật có tự thể, tức là hiện lượng, luận nếu thừa nhận như vậy, tức tông tự tha đều nói tâm v.v... chẳng phải lia thức nên có lỗi trái tông.

Sớ: Giác lạc ấy v.v... cũng ở trong pháp hữu pháp.

Hữu pháp gọi là pháp.

Sớ: Tức có một phần lỗi tương phù v.v...

Có thuyết nói duyên là lựa chọn lỗi tương phù, đây tức chẳng phải lý nên hỏi họ rằng: Trong hữu pháp lựa chọn giác chẳng? Nếu họ lựa chọn vì sao tương phù? Nếu không lựa chọn, lập duyên đâu có thể ngăn lựa chọn? Do đây liền phải lựa chọn tương phù, ở trong hữu pháp trước trừ giác v.v...

Biện rằng: Ý đây vặn hỏi rằng, luận nói duyên ở trong pháp, tại sao dùng pháp ngăn lỗi hữu pháp? Do đây liền phải ở trong hữu pháp nói trừ giác v.v..., liền không có lỗi tương phù. Nay dùng lý quán, lựa chọn cũng nào có lỗi, tóm lại ngay đây có thể hiểu.

Lại như Phật pháp đối với Thanh luận sư lập thanh vô thường, tông pháp vô thường, lại lựa chọn trên thanh tất cả nghĩa thường. Nếu không lựa chọn, họ thừa nhận thanh thường đâu không tương phù, tương phù không có nên biết có thể lựa chọn. Nay thật v.v... trong hữu pháp bao gồm duyên năng sở, trong pháp nói duyên ý trừ hữu pháp năng duyên giác v.v... cùng lập thanh tông thì có sai biệt gì? Chỉ không được thừa nhận cho nên một duyên nói bao gồm lựa chọn tương phù, bao quát hết nên không có lỗi, xin xét rõ ràng.

Sớ: “Nếu luận nói” đến “nói chữ duy”.

Chuẩn theo ý văn đây dường như lập lại vặn hỏi bên ngoài. Ý người ngoài vặn hỏi rằng: Họ đã thừa nhận có, chỉ duyên thật tâm, trong luận nên để hai chữ “duy duyên”. Nói duy duyên là lựa bỏ giác v.v... không có lỗi tương phù, duyên hiển bày năng duyên, không có lỗi trái tông.

Sớ: “Cả hai thông duyên” đến “vì hiện lượng đặc”.

Đã thừa nhận một tâm nhưng duyên hai cảnh, hai cảnh xen nhau theo, là lia chẳng lia thật có, tự thể hiện lượng sở đặc, vì sao? Vì không thể một tâm phân làm hai, đây do hai cảnh, lại xen nhau theo gọi là lia chẳng lia hiện lượng sở đặc, do đây chỉ nói lựa chọn, điều này không được.

Sớ: Tổng duyên của nó cũng là sở lựa chọn.

Trong tổng duyên ấy nếu là lia thức thật có tự thể, hiện thật đặc cũng ở trong sở phá, cho nên luận duyên nói lựa chọn hết các lỗi.

Luận: Đại Tự tại thiên.

Xét Bồ-tát Đề-bà giải thích luận Niết-bàn của Tiểu thừa ngoại đạo rằng: Ma-hê-thủ-la luận sư nói như vậy: Quả là Na-la-diên làm ra. Phạm thiên là nhân, Ma-hê-thủ-la một thể ba phần, đó gọi là Phạm thiên, Na-la-diên, Ma-hê-thủ-la, địa là chỗ nương, địa chủ là Ma-hê-thủ-la, tất cả mạng, chẳng phải mạng vật ở trong ba cõi đều là trời Ma-hê-thủ-la thiên sinh. Thân Ma-hê-thủ-la, hư không là đầu, đại địa là thân, nước là nước tiểu, núi là phân, tất cả chúng sinh là trùng trong bụng, gió là khí, lửa là hơi ấm, tội phước là nghiệp, tám loại đây là thân Ma-hê-thủ-la. Tự tại thiên là nhân sinh diệt, tất cả từ Tự tại thiên sinh ra, từ Tự tại thiên diệt gọi là Niết-bàn, nên Tự tại thiên là thường, tất cả vật là nhân Niết-bàn.

Lại truyện giải thích rằng: Tông ấy Tự tại có ba thân sai khác, nghĩa là Pháp thân, Báo thân, Hóa thân. Nói Báo thân ở cõi trời Sắc cứu cánh không sinh trở lại, tướng trạng giống như Thọ dụng thân của Thế Tôn, thân biến hóa ấy tùy hiện trong sáu đường giáo hóa chúng sinh, nhưng nói phần nhiều ở phía Bắc của núi Tuyết hoặc ở Nam Hải phía đỉnh núi Vị-thích-da. Pháp thân thì như luận này nói.

Sớ: “Có khắp” đến “hay sinh các pháp”.

Có khắp vì sao không ở tất cả xứ hay sinh các pháp? Thường vì sao không ở tất cả thời hay sinh các pháp mà phân sai khác?

Luận: Các chấp khác như Phạm vương v.v...

Xét trong luận Đề-bà nêu bày các chấp này. Nói Đại Phạm là sư Vi-đà luận nói, từ cõi trời Na-la-diên đều sinh trong hoa sen lớn, từ hoa sen sinh tổ ông Phạm thiên, Phạm thiên kia làm tất cả vật có mạng, chẳng phải mạng, từ trong miệng Phạm thiên sinh Bà-la-môn, giữa hai vai sinh Sát-đế-lợi, giữa hai vế sinh Tỳ-xá, dưới hai bàn chân sinh Thủ-đà, tất cả đại địa là giới tràng tu phước đức, sinh tất cả cỏ hoa, dùng để mà cúng dường, hóa thành các loại sơn dã, cầm thú, người, heo, dê v.v... ở giới tràng sát hại cúng dường Phạm thiên, được sinh về chỗ ấy gọi là Niết-bàn.

Nói thời, nghĩa là sư Thời luận nói như vậy: Thời gian thuần thực thì tất cả vật thuần thực, thời tán thì tất cả vật tán, thế nên trong luận ta nói, như mang cung tên bắn, thời không đến không chết, thời đến thì cỏ nhỏ xúc chạm liền chết, tất cả vật thời sinh, thời thuần thực, thời diệt, thời không thể qua, nên thời thường sinh tất cả vật.

Nói phương, nghĩa là sư Phương luận nói như vậy: Tối sơ sinh các phương, từ các phương sinh người thế gian, từ người sinh trời đất, trời

đất diệt không trở lại vào chỗ kia gọi là Niết-bàn, thế nên phương là thường.

Nói bản tế, nghĩa là bản sinh. Luận sư An Trà nói: Vốn không có mặt trời mặt trăng, sao, hư không và đất, chỉ có lửa, nước. Bấy giờ Đại An Trà sinh như trứng gà, xung quanh màu vàng, thời chín phá làm hai đoạn, một đoạn ở trên làm trời, một đoạn ở dưới làm đất, ở trong khoảng ấy sinh Phạm thiên, gọi là ông tổ của tất cả chúng sinh, tạo tất cả vật có mạng, không có mạng, các vật như vậy tán mất, chỗ ấy gọi là Niết-bàn.

Nói tự nhiên, nghĩa là Luận sư Vô Nhân nói như vậy: Không có nhân, không có duyên sinh tất cả vật, không có nhân duyên nhiễm tịnh, như trong luận ta nói: Như gai nhọn không có ai tạo ra, khổng tước v.v... các loại màu vẽ đều không ai tạo ra, tự nhiên mà có, không từ nhân sinh gọi là Niết-bàn, tự nhiên là thường, sinh tất cả vật.

Nói hư không, nghĩa là Luận sư Khẩu Lực nói như vậy: Hư không là nhân của muôn vật, tối sơ sinh ra hư không, hư không sinh gió, gió sinh lửa, lửa sinh khói, khói sinh nước, nước liền đông cứng thành đất, đất sinh các loại dược thảo, dược thảo sinh ngũ cốc, ngũ cốc sinh ra mạng, thế nên trong luận ta nói: Mạng là thức ăn, về sau lại mất, hư không gọi là Niết, hư không là thường gọi là nhân Niết-bàn

Sớ: “Ngã ấy” đến “trước sau sai biệt”.

Đây giải thích lỗi, lỗi rằng nay nói pháp chấp, vì sao luận ngã?

Đáp: Ý nên biết.

Sớ: “Ở sau phá” đến “là bất định”.

Do thừa nhận tánh thanh thường, không thể thuyên, trong phần phá ở sau họ không được đem tánh thanh làm dụ, mà cùng luận chủ mà làm bất định, nên nói không có dụ. Có thuyết nói, do đây không được cùng Đại thừa tác pháp vì tự tướng tương vi.

Biện rằng: Không đúng. Giả sử thừa nhận năng thuyên chỉ có lỗi bất định, lỗi pháp tự tướng tương vi là đồng thì không có nhưng dị thì có, nay năng thuyên nhân hai dụ đều có nên là bất định, năng thuyên thanh khác vô thường là đồng, tánh thanh là dị, suy nghĩ có thể rõ.

Luận: Có ngoại đạo chấp cực vi là thường, sư đây chỗ chấp ngã pháp sắc tâm đều bốn đại tạo, cho nên Quảng Bách quyển 2 ghi: “Thuận Thế ngoại đạo nói như vậy: Các pháp và ngã đại chủng làm tánh, ngoài bốn đại chủng không có vật khác”, tức bốn đại chủng hòa hợp làm ngã và thân tâm v.v...

Hỏi: Nội ngoại nam nữ đã có sai biệt, năng thành đại chủng cũng

sai biệt chẳng?

Đáp: Tuy tánh đại chủng trong ngoài không khác, nhưng có an lập hình tướng sai biệt. Có nghĩa cực vi của Thuận Thế có ba loại: Một là Cực tinh hư, hai là Thanh tịnh, ba là Phi hư tịnh. Quả sở sinh cũng có ba: Một là tâm tâm sở, hai là căn như nhãn v.v... , ba là sắc thanh v.v... Như ba thứ lớp đó ba nhân sinh ra.

Biện rằng: Tuy nói như thế nhưng không biết căn cứ ở đâu. Chuẩn theo Quảng Bách luận đây nêu bày khó nường, luận ấy nói: Trong ngoài tánh đại chủng không có sai biệt, làm sao được ba loại không đồng?

Hỏi: Thuận Thế ý gì chấp vi là thường?

Đáp: Sợ rằng kiếp sau thành không có chủng tử, nên Câu-xá luận quyển 12 ghi: “Một loại ngoại đạo chấp cực vi là thường”, họ cho rằng không kiếp, còn lại ở cực vi khác, vì sao họ chấp còn cực vi khác? Chớ cho rằng việc thô sinh không chủng tử, do đây sư này chấp vi là thường.

Luận: Nếu không có phương phần v.v...

Hỏi: Họ vốn chấp vi tạo tất cả pháp, tâm tâm sở cũng hợp có ngại, nay dùng làm dụ lẽ nào được thành?

Đáp: Như trong Nghĩa Đăng có giải thích, nay giải thích thêm, mong đại năng tạo thật không sai khác, nhưng tâm sở tạo vô ngại, tâm năng duyên không thành thô, tạo sắc có ngại, tập thành sắc thô, tông chấp vậy, không thể nường theo kẻ cuồng phu mà không giữ gìn lẽ nhạc, nên phá hai sư dùng tâm tâm sở làm dụ cũng được.

Sớ: Trong câu đức, lượng đức v.v...

Thật cũng có lượng dài ngắn hợp lại, không khác thể của hai lượng nhỏ và lớn, nên không nói. Có nghĩa tức là lượng nhỏ, lượng ngắn, đức tử vi có.

Biện rằng: Nói quả sắc, chỉ có nhân tử vi có thể như sở đoạn, tôn vi trở đi cũng gọi là quả sắc, làm sao không lấy lượng lớn dài?

Luận: Nếu nói quả sắc có khắp ở tự nhân v.v...

Có nghĩa ở đây y tông nêu bày. Văn trước nói, không vượt được nhân lượng chẳng phải là tông này.

Biện rằng: Nay xem thế của luận, trước làm bản chấp cũng không có lỗi, nên trước luận rằng: Lại quả sở sinh không vượt nhân lượng, đây lập mà phá, nếu chẳng phải bản chấp thì luận nêu đối với ai? Nên bản chấp trước, đây chỉ nêu lại nên cũng không có lỗi.

Sớ: Do ba vi quả v.v... nhân chẳng phải cực vi.

Nói ba vi nghĩa là quả tử vi thứ ba tức là quả thứ bảy, nhân của quả thứ bảy tức gọi là vi, không gọi là cực, cho nên tổng nói, như nhân

sở tại, nên không nói riêng, như cực vi sở tại. Nói cực vi vì không thông với vi, cực vi tử vi đều được gọi là nhân sở tại.

Sớ: Trong đây hai lượng như thứ tự ở trước.

Không thành sắc thô và chẳng phải lượng của căn lấy hai loại, tức luận trước nói: “Lại quả sở sinh” đến “liên trái tự chấp”, trong hai đoạn văn đã làm xong, nên đây không nêu.

Sớ: Đây là nghĩa của tông.

Tông của Đại thừa, Đại thừa không thừa nhận thể cát thọ nước, thể của đồng thọ được.

Sớ: Căn cứ tông vặn hỏi.

Căn cứ tông ngoại đạo, luận thừa nhận quả sắc nhập vào trong nhân vi, cũng thừa nhận nước vào trong vi của cát, cho nên được lấy cát mà làm dụ.

Hỏi: Sắc đồng xứ chẳng lìa nhau của Đại thừa xen nhau nhiếp nhập, đâu chẳng phải thể tướng nhân quả thể tướng thọ nhập?

Đáp: Không có thật cực vi, là giả thức biến, nên được nhiếp nhập, không đồng tông ấy.

Sớ: “Lượng rằng” đến “như thuốc biến thành đồng”.

Căn cứ tha làm lượng, họ thừa nhận vi của thuốc nhập trong vi của đồng, nên được làm dụ.

Sớ: “Một lẽ ra không có thứ lớp hành v.v...”

Văn một bài tụng này nhưng lượng lại có năm:

1. Luận ấy nói, nếu không cách biệt, cảnh sở hành của nhân chấp làm một vật, nên không có thứ lớp lý hành đại địa. Nếu ở sau “một đủ” đến “tất cả”, lượng rằng không có chỗ ngăn cách, từ đây trở xuống đến “một khi đủ”, chỗ chưa đến thì thời cũng lẽ ra đã đến, vì ông chấp một, cũng như ở đây.

2. Luận ấy nói, lại phải chung thời ở đây, đối với họ không đến chưa đến, một vật một thời, lý lẽ ra không có được chưa được. Lượng rằng, tông của ông thế gian không cách đoạn vật, không có một pháp có đến chưa đến, chấp là một, như tay nắm lấy hạt châu.

3. Luận kia lại nói, lại một phương xứ lẽ ra không được có nhiều voi ngựa, có việc gián cách, nếu chỗ ở có một cũng tức có dư, tại sao kia đây có thể biện sai khác? Lượng rằng, ở đây không ngăn cách một phương xứ chỗ có nhiều voi ngựa, chỗ ở một con voi lẽ ra các con ngựa cũng ở đó, chấp là một như chỗ ở của voi đây.

4. Luận ấy nói, hoặc cả hai tại sao có thể ở một xứ có chỗ đến chưa đến chặng giữa thấy rỗng. Lượng rằng, không có ngăn cách một

xứ, voi ngựa ở hai nơi, lẽ ra không được có chặng giữa rỗng không, vì chấp là một, như tay cầm hạt châu.

5. Luận ấy nói, lại lẽ ra cũng không có những vật nhỏ khó thấy như giọt nước, trùng nhỏ v.v..., nó và vật thô đồng một xứ, lượng lẽ ra đồng. Lượng rằng, nước, trùng nhỏ v.v... nương nước không chảy làm năng y, lẽ ra các lượng sở y đó chấp sở y là một, do như không cách một Phả-chi-ca một sắc sở y.

Sớ: “Không nói đồng dị” đến “là tánh ấy”.

Hiển bày có đồng dị, đã là tánh các pháp, cho nên luận nói v.v..., nếu luận nói có và đồng dị, không biết hai pháp đây là tánh các pháp.

Sớ: Lại v.v... đồng dị hiển loại sai khác.

Trừ các pháp khác như có, đồng dị, chẳng phải hiển loại sai khác, lại chẳng phải pháp tánh nên không đồng.

Hỏi: Số luận của bản tông không lập sáu câu, nay có đồng dị tại sao nói họ chấp?

Đáp: Họ tuy không lập riêng nghĩa sáu câu, pháp thể chẳng phải không, tức gọi là có, pháp có đồng dị gọi là tánh đồng dị, không đồng với Thắng luận. Có thuyết nói ba đức gọi là hữu tánh, hai mươi ba Đế gọi là tánh đồng dị.

Biện rằng: Chuẩn theo đây phá luận, hữu tánh không chỉ ở ba đức, nên luận kết rằng lại trái ba đức, thể của ngã v.v... khác cũng trái các pháp sai biệt của thế gian, nên biết hữu tánh thông hai mươi lăm Đế, hai mươi lăm Đế sai khác tức là đồng dị.

Sớ: “Lại ngã v.v...” đến “tướng sai biệt”.

Nếu luận về thể của nó, hai mươi lăm Đế tức là tự tánh nên thể không sai khác, nếu căn cứ tướng mà nói thì hai mươi lăm Đế sai khác. Nay đứng về tướng cũng là sở phá, ban đầu đứng về thể nên cả hai sai khác.

Sớ: “Trong đây sắc v.v...” đến “là lỗi bất định”.

Mười một loại đức và địa thủy hỏa, đều là cảnh của mắt. Nếu không như nhau thì có lỗi bất định. Lỗi bất định nói, sắc mà họ nói là như thanh v.v... chẳng phải sắc tánh, cho nên chẳng phải là cảnh của mắt, vì như số v.v... chẳng phải sắc tánh nên là cảnh của mắt.

Sớ: Như chung cùng cho nên chẳng phải một v.v...

Đây xen nói thêm, nếu thuận nói là chung cùng nên chẳng phải khác, tức sai khác, chẳng phải một.

Biện rằng: Hoặc chỉ như số cũng không xen thêm, nói chung cùng chẳng phải một, có tánh đồng dị cùng tất cả pháp mà chẳng phải là

một, giống như cộng tướng, cùng pháp sở tướng mà chẳng phải là một, giả thật năng sở các thứ khác. Nói khác mà chẳng phải khác, tánh có tánh đồng dị khác với sở hữu của nó, ngoài pháp khác mà không có tự thể, thể tức là nó nên gọi là không khác, tương tự như tất cả cộng tướng trong Phật pháp, nên nói như chung cùng.

Có thuyết nói, do không khác neốigi là một, nghĩa sai biệt nên lại nói cũng khác, như trong tông lấy sóng nước làm dụ, đại ý đồng với số.

Sớ: Đề không nói vì không có chỗ nêu bày.

Hễ nói không có con, tức biết là gái đá, đâu cần nói lại không có người nữ.

Sớ: Lại đây nói biểu tức đồng với chấp thứ hai.

Trong chấp thứ tư có bốn câu phá, biểu đồng với thứ nhất không đều chẳng phải vạy hỏi, ngăn đồng với thứ hai không có vạy hỏi sở chấp.

Hỏi: Lại như trong Đại thừa trên tất cả sắc có tánh chất ngại, đây gọi là hữu tánh, sắc pháp tức có chẳng phải sắc pháp không gọi là tánh đồng dị, hai tánh đây cùng với các pháp sắc cũng được gọi là cũng một cũng khác, chẳng phải một chẳng phải khác, lại đồng với ngoại đạo tại sao phá họ?

Đáp: Tông nghĩa Đại thừa giả danh thi thiết, chẳng phải ngoại thức thật, mê ngộ có khác. Do ngộ đây nên bốn câu đều đúng, nếu mê là bốn câu đều sai, nên không đồng với họ.

Hỏi: Nay do bốn câu phá tông ngoại đạo kia, chánh nghĩa Đại thừa thuộc về câu nào?

Đáp: Chánh pháp Đại thừa chẳng phải nằm trong bốn câu, không thể nói vì không có định tánh.

Biện rằng: Nếu đồng ngoại chấp một câu cũng chẳng phải, nếu nương giả mà nói thì có cả bốn câu, đâu có lỗi gì? Lại cùng mong nhau mà được thành bốn câu, nên hiểu như trước.

